

DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Bổ sung kèm theo quyết định số: 79/ QĐ-ĐHCN, ngày 25/1/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã học phần tương đương	Tên học phần tương đương
Khoa Cơ khí				
1	0103101	An toàn và môi trường công nghiệp	ME6001	An toàn và môi trường công nghiệp
2	0103102	CAD	ME6002	CAD
3	0103103	CAD/CAE	ME6003	CAD/CAE
4	0103104	CAD/CAM	ME6004	CADCAM
5	0103119	Chi tiết máy	ME6012	Chi tiết máy
6	0103115	Cơ học vật rắn biến dạng	ME6010	Cơ học vật rắn biến dạng
7	0103117	Cơ lý thuyết	ME6009	Cơ học kỹ thuật
8	0103109	Công nghệ chế tạo máy 2	ME6007	Công nghệ chế tạo máy 2
9	0103128	Dao động kỹ thuật	ME6013	Dao động kỹ thuật
10	0103131	Đồ án chi tiết máy	ME6017	Đồ án môn học chi tiết máy
11	0103132	Đồ án môn học Công nghệ chế tạo máy	ME6016	Đồ án môn học Công nghệ chế tạo máy
12	0103140	Đồ gá	ME6020	Đồ gá
13	0103130	Đo và xử lý tín hiệu	ME6015	Đo lường và xử lý tín hiệu
14	0103141	Động lực học máy	ME6021	Động lực học máy
15	0103129	Dung sai và kỹ thuật đo	ME6014	Dung sai và kỹ thuật đo
16	0103142	Hệ thống tự động thủy khí	ME6022	Hệ thống tự động thủy khí
17	0103143	Hình họa	ME6042	Vẽ kỹ thuật
18	0103150	Máy cắt	ME6025	Máy công cụ
19	0103153	Nguyên lý cắt	ME6027	Nguyên lý cắt
20	0103155	Nguyên lý máy	ME6024	Lý thuyết cơ cấu
21	0103157	Phương pháp phân tử hữu hạn	ME6029	Phương pháp phân tử hữu hạn
22	0103146	Robot công nghiệp	ME6023	Kỹ thuật Robot
23	0103158	Sức bền vật liệu	ME6031	Sức bền vật liệu
24	0103162	Thiết kế dụng cụ cắt	ME6033	Thiết kế dụng cụ cắt
25	0103163	Thiết kế hệ thống cơ khí	ME6034	Thiết kế hệ thống cơ khí
26	0103164	Thiết kế khuôn	ME6035	Thiết kế khuôn
27	0103159	Tự động hoá quá trình sản xuất	ME6032	Tự động hoá quá trình sản xuất
28	0103175	Vật liệu học	ME6041	Vật liệu học
Khoa Hóa				
1	0303101	An toàn lao động	CT6002	An toàn lao động
2	0303208	An toàn môi trường dầu khí	CT6003	An toàn môi trường dầu khí
3	0303102	Ăn mòn và bảo vệ kim loại	CT6004	Ăn mòn và bảo vệ kim loại
4	0303103	Các hợp chất dị vòng	CT6075	Hóa học hợp chất dị vòng
5	0303105	Các phương pháp phân tích quang học hiện đại	CT6123	Phương pháp phân tích quang học
6	0303108	Các quá trình sản xuất cơ bản	CT6007	Các quá trình sản xuất cơ bản
7	0304109	Công nghệ axit vô cơ	CT6009	Công nghệ axit vô cơ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã học phần tương đương	Tên học phần tương đương
8	0303111	Công nghệ các hợp chất nito	CT6011	Công nghệ các hợp chất nito
9	0303112	Công nghệ chất hoạt động bề mặt	CT6010	Công nghệ các chất hoạt động bề mặt
10	0303120	Công nghệ phân bón	CT6034	Công nghệ phân bón
11	0303122	Công nghệ vật liệu composit	CT6183	Vật liệu composit
12	0303125	Cơ sở thiết kế và chế tạo máy hóa chất	CT6050	Cơ sở thiết kế và chế tạo máy hóa chất
13	0303126	Chất màu vô cơ công nghiệp	CT6051	Chất màu vô cơ công nghiệp
14	0303129	Đánh giá tác động môi trường	CT6056	Đánh giá tác động môi trường
15	0303130	Đồ án môn học quá trình và thiết bị	CT6063	Đồ án môn học quá trình và thiết bị
16	0303135	Giản đồ pha	CT6069	Giản đồ pha
17	0303138	Hóa học đại cương	CT6001	Hóa học đại cương
18	0303146	Hóa môi trường	CT6082	Hóa môi trường
19	0303151	Kiểm nghiệm dược phẩm	CT6087	Kiểm nghiệm dược phẩm
20	0303216	Kiểm tra và đánh giá chất lượng dầu khí	CT6089	Kiểm tra và đánh giá chất lượng dầu khí
21	1603114	Kinh tế tài nguyên và môi trường	CT6093	Kinh tế tài nguyên và môi trường
22	0303155	Kỹ thuật lấy mẫu và xử lý mẫu	CT6097	Kỹ thuật lấy mẫu và xử lý mẫu
23	0304157	Kỹ thuật phản ứng	CT6098	Kỹ thuật phản ứng
24	0303158	Kỹ thuật phân tích hiện đại	CT6005	Các phương pháp tách trong hóa phân tích
25	0303159	Kỹ thuật phòng thí nghiệm	CT6145	Thí nghiệm Hóa phân tích
26	0303163	Kỹ thuật xử lý nước thải	CT6102	Kỹ thuật xử lý nước thải
27	0303167	Mô hình hóa môi trường	CT6105	Mô hình hóa môi trường
28	0303168	Mô hình tối ưu hóa trong công nghệ hóa học	CT6106	Mô hình tối ưu hóa trong công nghệ hóa học
29	0303176	Phân tích môi trường	CT6116	Phân tích môi trường
30	0303177	Phức chất trong hóa học phân tích	CT6055	Đánh giá cảm quan thực phẩm
31	0303178	Phương pháp chiết và sắc ký	CT6124	Phương pháp sắc ký
32	0303180	Quá trình và thiết bị cơ học	CT6127	Quá trình và thiết bị cơ học
33	0303182	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	CT6129	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt
34	0303229	Quan trắc môi trường	CT6133	Quan trắc môi trường
35	0303219	Tồn trữ và vận chuyển các sản phẩm dầu khí	CT6140	Tồn trữ và vận chuyển các sản phẩm dầu khí
36	0303220	Thí nghiệm chuyên ngành hóa dầu 1	CT6172	Thực hành phân tích chất lượng sản phẩm khí và xăng
37	0303221	Thí nghiệm chuyên ngành hóa dầu 2	CT6173	Thực hành phân tích chất lượng sản phẩm mỡ nhờn và nhựa đường
38	0303195	Thực hành các phương pháp phân tích trắc quang và điện hóa	CT6149	Thí nghiệm phân tích quang học
39	0303196	Thực hành hóa môi trường	CT6169	Thực hành hóa môi trường
40	0303198	Thực hành phân tích công nghiệp 1	CT6164	Thực hành chuyên ngành công nghệ Hóa phân tích 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã học phần tương đương	Tên học phần tương đương
41	0303199	Thực hành phân tích công nghiệp 2	CT6165	Thực hành chuyên ngành công nghệ Hóa phân tích 2
42	0303200	Thực hành phân tích môi trường	CT6174	Thực hành phân tích môi trường
43	0303201	Thực hành tổng hợp hữu cơ	CT6178	Thực hành tổng hợp hữu cơ
44	0303223	Xúc tác cho quá trình lọc hóa dầu	CT6190	Xúc tác cho quá trình lọc hóa dầu
45	0303206	Xử lý số liệu thực nghiệm trong Hóa phân tích	CT6192	Xử lý số liệu thực nghiệm trong Hóa phân tích
Khoa CN May				
1	0403101	Công nghệ may 1	GF6002	Công nghệ may cơ bản
2	0403102	Công nghệ may 2	GF6049	Thiết kế và điều hành dây chuyền may
3	0403103	Công nghệ may 3	GF6003	Công nghệ sản xuất may công nghiệp
4	0403105	Cơ sở tạo hình vật liệu thời trang	GF6032	Tạo hình vật liệu thời trang
5	0403106	Cơ sở thẩm mỹ	GF6024	Nguyên lý thị giác
6	0403107	Cơ sở thiết kế thời trang	GF6004	Cơ sở thiết kế thời trang
7	0403108	Cơ sở thiết kế trang phục	GF6005	Cơ sở thiết kế trang phục
8	0403113	Đồ họa thời trang	GF6012	Đồ họa Thời trang
9	0403115	Hình họa 1	GF6014	Hình họa 1
10	0403116	Hình họa 2	GF6015	Hình họa 2
11	0403118	Hình họa thời trang	GF6016	Hình họa thời trang
12	0403119	Kinh doanh thời trang	GF6017	Kinh doanh thời trang
13	0403121	Kỹ thuật thêu và đính kết trang trí	GF6032	Tạo hình vật liệu thời trang
14	0403122	Lịch sử mỹ thuật thế giới	GF6019	Lịch sử mỹ thuật thế giới
15	0403123	Lịch sử mỹ thuật Việt Nam	GF6020	Lịch sử mỹ thuật Việt Nam
16	0403124	Lịch sử thời trang	GF6021	Lịch sử trang phục
17	0403125	Marketing thời trang	GF6022	Marketing thời trang
18	0403126	Merchandising	GF6028	Quản lý đơn hàng ngành may
19	0403128	Nghiên cứu thị trường	BM6042	Nghiên cứu thị trường
20	0403130	Nhân trắc học - Ergonomics	GF6025	Nhân trắc học - Ecgonomi
21	0403132	Quản lý chất lượng trang phục	GF6027	Quản lý chất lượng may công nghiệp
22	0403134	Quản trị thương hiệu	GF6029	Quản trị thương hiệu ngành may
23	0403135	Sáng tác mẫu	GF6039	Thiết kế quần áo trẻ em
24	0403136	Sáng tác thời trang	GF6030	Sáng tác thời trang
25	0403137	Sinh thái và môi trường dệt may	GF6031	Sinh thái môi trường dệt may
26	0403138	Tổ chức sản xuất và định mức kinh tế kỹ thuật ngành may	GF6034	Tổ chức và quản lý sản xuất may công nghiệp
27	0403139	Tổ chức sự kiện thời trang	GF6033	Tổ chức sự kiện thời trang
28	0403140	Thiết bị may công nghiệp	GF6035	Thiết bị may công nghiệp
29	0403141	Thiết kế chuyển đổi mẫu	GF6036	Thiết kế chuyển đổi mẫu
30	0403142	Thiết kế mẫu công nghiệp	GF6038	Thiết kế mẫu công nghiệp
31	0403145	Thiết kế mẫu trên manocanh	GF6037	Thiết kế mẫu 3D (Fashion draping)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã học phần tương đương	Tên học phần tương đương
32	0403146	Thiết kế thời trang 1	GF6042	Thiết kế thời trang trẻ em
33	0403150	Thiết kế thời trang 2	GF6041	Thiết kế thời trang theo mùa
34	0403158	Thiết kế trang phục 1	GF6043	Thiết kế trang phục cơ bản
35	0403159	Thiết kế trang phục 2	GF6045	Thiết kế trang phục khoác ngoài
36	0403160	Thiết kế trang phục 3	GF6048	Thiết kế và chế thử trang phục truyền thống
37	0403161	Thiết kế và giác sơ đồ trên máy tính	GF6051	Thiết kế và giác sơ đồ trên máy tính
38	0403163	Thực hành công nghệ may 1	GF6053	Thực hành công nghệ may trang phục cơ bản
39	0403166	Thực hành thiết kế trang phục 1	GF6056	Thực hành thiết kế và chế thử trang phục cơ bản
40	0403167	Thực hành thiết kế trang phục 2	GF6055	Thực hành thiết kế và chế thử comple
41	0403168	Thực tập sản xuất (Ngành Công nghệ May)	GF6059	Thực tập sản xuất (Công nghệ may)
42	0403173	Trang phục các dân tộc Việt Nam	GF6061	Trang phục cộng đồng các dân tộc Việt Nam
43	0403174	Vật liệu may	GF6062	Vật liệu may
44	0403179	Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt may	GF6064	Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt may
Khoa CN Ô tô				
1	0203102	Cơ điện tử ô tô cơ bản	AT6005	Cơ điện tử ô tô
2	0203103	Cơ sở thiết kế ô tô	AT6030	Thiết kế ô tô
3	0203110	Đồ án chuyên ngành ô tô	AT6009	Đồ án chuyên ngành kỹ thuật ô tô
4	0203115	Hệ thống điện - điện tử ô tô cơ bản	AT6011	Hệ thống điện-điện tử ô tô
5	0203116	Hệ thống điện - điện tử ô tô nâng cao	AT6006	Chuyên đề hệ thống điều khiển và giám sát trên ô tô
6	0203118	Hệ thống nhiên liệu động cơ	AT6007	Chuyên đề hệ thống nhiên liệu
7	0203128	Kết cấu động cơ	AT6013	Kết cấu động cơ
8	0203121	Kết cấu ô tô	AT6014	Kết cấu ô tô
9	0303164	Khí xả và vấn đề ô nhiễm môi trường	AT6019	Khí xả và vấn đề kiểm soát khí xả động cơ
10	0203124	Lý thuyết ô tô	AT6022	Lý thuyết ô tô
11	0203125	Nguyên lý động cơ đốt trong	AT6021	Lý thuyết động cơ
12	0203126	Nhiệt kỹ thuật	AT6018	Kỹ thuật nhiệt ứng dụng
13	0203127	Tin học ứng dụng trong kỹ thuật ô tô	AT6041	Ứng dụng máy tính trong thiết kế ô tô
14	0203130	Thí nghiệm điện ô tô	AT6027	Thí nghiệm điện ô tô
15	0203131	Thí nghiệm động cơ ô tô	AT6028	Thí nghiệm động cơ
16	0203132	Thí nghiệm gầm ô tô	AT6029	Thí nghiệm ô tô
17	0203135	Thực hành KT đo lường trong công nghệ ô tô	AT6036	Thực hành kỹ thuật đo lường trong công nghệ ô tô

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã học phần tương đương	Tên học phần tương đương
18	0203137	Thực hành kỹ thuật viên động cơ ô tô	AT6031	Thực hành chẩn đoán và sửa chữa động cơ
19	0203138	Thực hành kỹ thuật viên gầm ô tô	AT6032	Thực hành chẩn đoán và sửa chữa ô tô
20	0203139	Thực hành thân vỏ ô tô	AT6037	Thực hành khung vỏ ô tô T-TEP
21	0203140	Thực hành vận hành xe trong xưởng BDSC	AT6038	Thực hành vận hành xe trong xưởng BD&SC
Khoa CN Thông tin				
1	0503103	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	0503174, IT6002	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
2	0503104	Công nghệ thực tại ảo	IT6005	Công nghệ thực tại ảo
3	0503106	Cơ sở dữ liệu	IT6006	Cơ sở dữ liệu
4	0503116	Đồ họa máy tính	IT6010	Đồ họa máy tính
5	0503125	Kiểm thử phần mềm 3(2,1,0)	IT6013	Kiểm thử phần mềm
6	0503126	Kiến trúc máy tính	IT6014	Kiến trúc máy tính
7	0503127	Kỹ thuật lập trình	IT6015	Kỹ thuật lập trình
8	0503129	Lập trình cơ bản	IT6027	Nhập môn lập trình máy tính
9	0503130	Lập trình hướng đối tượng	IT6018	Lập trình hướng đối tượng
10	0503137	Mạng máy tính	IT6023	Mạng máy tính
11	0503141	Nhập môn Công nghệ phần mềm	IT6026	Nhập môn Công nghệ phần mềm
12	0503147	Phát triển phần mềm theo cấu phần	IT6024	Một số công nghệ phát triển phần mềm
13	0503149	Phần mềm mã nguồn mở	IT6030	Phần mềm mã nguồn mở
14	0503152	Quản lý các dự án công nghệ thông tin	IT6033	Quản lý dự án công nghệ thông tin
15	0503156	Toán rời rạc	IT6035	Toán rời rạc
16	0503157	Tối ưu hoá	IT6036	Tối ưu hoá
17	0503161	Thiết kế Web	IT6039	Thiết kế Web
Khoa Điện				
1	0703106	Chuyên đề tự động hóa tòa nhà	EE6025	Hệ thống quản lý và Tự động hóa trong tòa nhà
2	0703108	Điện tử công suất	EE6010	Điện tử công suất
3	0703109	Điều khiển điện-khí nén-Thủy lực	EE6012	Điều khiển điện- khí nén-thủy lực
4	0703111	Điều khiển lập trình PLC	EE6033	Kỹ thuật lập trình PLC
5	0703112	Điều khiển lô gíc	EE6013	Điều khiển logic
6	0703113	Điều khiển quá trình	EE6014	Điều khiển quá trình
7	0703114	Điều khiển số	EE6016	Điều khiển số
8	0703115	Điều khiển tối ưu và điều khiển mờ	EE6024	Hệ thống Điều khiển mờ
9	0703119	Đồ án chuyên môn đo lường & Điều khiển	EE6022	Đồ án thiết kế hệ thống điều khiển và tự động hóa
10	0703121	Đồ án Điện tử công suất- Truyền động điện	EE6017	Đồ án Điện tử công suất- Truyền động điện

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã học phần tương đương	Tên học phần tương đương
11	0703123	Đồ án điều khiển lô gíc và Trang bị điện	EE6018	Đồ án điều khiển logic và Trang bị điện
12	0703127	Đồ án tích hợp hệ thống ĐK TĐH	EE6052	Thiết kế hệ thống điều khiển số
13	0703198	Hệ thống sản xuất linh hoạt(FMS)	EE6027	Hệ thống sản xuất linh hoạt
14	0703133	Hệ thống Scada, DCS và mạng TTCN	EE6028	Hệ thống Scada và DCS
15	0703200	Kỹ thuật điều khiển bằng máy tính	EE6031	Kỹ thuật điều khiển bằng máy tính
16	0703138	Kỹ thuật đo lường & cảm biến	EE6032	Kỹ thuật đo lường và cảm biến
17	0703142	Kỹ thuật rô bốt	EE6015	Điều khiển robot công nghiệp
18	0703147	Lý thuyết điều khiển tự động	EE6038	Lý thuyết điều khiển tự động
19	0703152	Máy điều khiển theo chương trình số	EE6047	Tin học ứng dụng trong ngành điện
20	0703159	Tín hiệu và hệ thống	EE6046	Tín hiệu và hệ thống
21	0703161	Tổng hợp hệ điện cơ	EE6048	Tổng hợp hệ điện cơ
22	0703163	Tự động hóa quá trình công nghệ	EE6049	Tự động hóa quá trình công nghệ
23	0703164	Tự động hóa trong tòa nhà	EE6025	Hệ thống quản lý và Tự động hóa trong tòa nhà
24	0703169	Thực hành ĐK lập trình PLC	EE6055	Thực hành điều khiển lập trình PLC
25	0703174	Thực hành thiết bị điều khiển điện	EE6058	Thực hành thiết bị điều khiển điện CN
26	0703176	Thực hành truyền động điện	EE6059	Thực hành truyền động điện
27	0703178	Thực hành vi mạch tương tự và vi mạch số	EE6060	Thực hành vi mạch tương tự và vi mạch số
28	0703183	Trang bị điện 1	EE6063	Trang bị điện
29	0703185	Truyền động điện	EE6064	Truyền động điện
30	0703193	Vi mạch tương tự & vi mạch số	EE6068	Vi mạch tương tự và vi mạch số
31	0703194	Vi xử lý trong đo lường & điều khiển	EE6069	Vi xử lý trong đo lường và điều khiển
Khoa Điện tử				
1	080301	An toàn lao động (ĐT)	0703101	An toàn điện
2	080302	CAD trong điện tử	0803102	CAD trong điện tử
3	080303	CNCT linh kiện điện tử	FE6042	Vật liệu và Linh kiện điện tử
4	080350	Điện tử công suất (ĐT)	0803101	Biến đổi AC/DC
5	080310	Đo lường điện và thiết bị đo	0803105	Đo lường điện và thiết bị đo
6	080355	Đồ án 1 (ĐTTH)	FE6009	Đồ án điện tử cơ bản
7	080356	Đồ án 1 (ĐTVT)	0803166	Đồ án truyền thông và mạng máy
8	080357	Đồ án 2 (ĐTTH)	0803144	Đồ án chuyên ngành kỹ thuật máy
9	080358	Đồ án 2 (ĐTVT)	0803167	Đồ án truyền thông và mạng máy
10	080314	Kỹ thuật chuyển mạch	0803164	Báo hiệu và điều khiển kết nối
11	080364	Kỹ thuật ghép kênh và truyền dẫn	0803171	Kỹ thuật truyền dẫn
12	080316	Kỹ thuật siêu cao tần và anten	0803134	Trường điện từ và siêu cao tần
13	080319	Kỹ thuật xung	0803152	Kỹ thuật xung số
14	080365	Lập trình trên Windows (ĐTTH)	0803153	Lập trình mạng

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã học phần tương đương	Tên học phần tương đương
15	080352	Lý thuyết mạch 1 (ĐT)	0803120	Lý thuyết mạch
16	080366	Mạng không dây	0803154	Mạng cảm biến không dây
17	080367	Mạng máy tính (ĐTTH)	0803155	Mạng máy tính (KTMT)
18	080349	Mạng máy tính (KTĐT)	0803155	Mạng máy tính (KTMT)
19	080377	Tự động hóa quá trình công nghệ	0803104	Điều khiển tự động công nghiệp
20	080334	TH thiết bị Audio+Video+TV	FE6038	Thực hành điện tử viễn thông
21	080372	Thông tin quang	0803179	Thông tin quang
22	080331	Thực hành Điện tử cơ bản 1	0803130	Thực hành Điện tử cơ bản 1
23	080333	Thực hành Kỹ thuật xung – số	0803131	Thực hành Điện tử cơ bản 2
24	080338	Vật liệu và Linh kiện điện tử	FE6042	Vật liệu và Linh kiện điện tử
25	080378	Vi ba số	0803169	Hệ thống thông tin vô tuyến
26	080339	Vi điện tử	0803159	Thiết kế vi mạch số
27	080342	Vi xử lý và cấu trúc máy tính	0803148	Kiến trúc máy tính và vi xử lý
Khoa Du lịch				
1	1403101	Bản sắc văn hóa Việt Nam	TO6047	Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam
2	1403104	Di sản văn hóa truyền thống Việt Nam	TO6015	Di tích và danh thắng Việt Nam
3	1403112	Kiểm soát đồ uống và thực phẩm	TO6024	Kiểm soát đồ uống và thực phẩm
4	140316	Kinh tế du lịch	TO6027	Kinh tế du lịch
5	1403114	Kỹ năng giao tiếp	TO6022	Giao tiếp trong du lịch
6	1403117	Lễ hội Việt Nam	TO6047	Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam
7	1403150	Marketing du lịch	TO6035	Marketing du lịch
8	140359	Nghi thức xã hội	TO6038	Nghi thức xã hội
9	1403121	Nghệ vụ hướng dẫn du lịch	TO6041	Hướng dẫn du lịch
10	1403122	Nghệ vụ kinh doanh khách sạn	TO6026	Kinh doanh khách sạn
11	1403123	Nghệ vụ kinh doanh lữ hành	TO6042	Nghệ vụ lữ hành
12	1403130	Quản trị kinh doanh lữ hành	TO6053	Quản trị kinh doanh lữ hành
13	1403131	Tâm lý học du lịch	TO6055	Tâm lý du khách và hành vi tiêu dùng du lịch
14	1403136	Tổ chức sự kiện	TO6059	Tổ chức sự kiện
15	1403139	Tham quan tuyến điểm du lịch	TO6063	Tham quan các mô hình lưu trú
16	1603154	Thanh toán quốc tế trong du lịch	TO6065	Thanh toán quốc tế trong du lịch
17	140375	Thực hành nghiệp vụ 1	TO6033	Lễ tân khách sạn
18	1403141	Thực hành hướng dẫn du lịch tại điểm	TO6069	Thực hành hướng dẫn tham quan tại điểm
19	1403142	Thực hành hướng dẫn du lịch theo tuyến du lịch	TO6068	Thực hành hướng dẫn du lịch trên tuyến
20	140377	Thực hành nghiệp vụ Bar-Nhà hàng	TO6039	Nghệ vụ bàn
21	1403144	Thực hành nghiệp vụ khách sạn	TO6033	Lễ tân khách sạn
22	1403181	Thực hành Quản lý buồng	TO6040	Nghệ vụ buồng

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã học phần tương đương	Tên học phần tương đương
Khoa Kế toán, Kiểm toán				
1	1103102	Hệ thống thông tin kế toán	AA6007	Hệ thống thông tin kế toán
2	1103104	Kế toán công 2	AA6027	Lập và trình bày báo cáo tài chính đơn vị sự nghiệp
3	1103105	Kế toán công ty	AA6008	Kế toán công ty
4	1103143	Kế toán định giá tài sản doanh nghiệp	AA6010	Kế toán định giá doanh nghiệp
5	1103106	Kế toán quản trị 1	AA6014	Kế toán quản trị 1 (F2 -Management Accounting (ACCA))
6	1103109	Kế toán tài chính 1	AA6017	Kế toán tài chính 1
7	1103110	Kế toán tài chính 2	AA6018	Kế toán tài chính 2
8	1103115	Kế toán và lập báo cáo thuế	AA6035	Thuế và kế toán 1
9	1103147	Kế toán xây lắp	AA6004	CD - Kế toán trong doanh nghiệp xây lắp
10	1103116	Kế toán xuất nhập khẩu	AA6005	CD - Kế toán trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu
11	1103117	Kiểm soát nội bộ	AA6022	Kiểm soát nội bộ
12	1103129	Kiểm soát quản lý	AA6023	Kiểm soát quản lý
13	1103118	Kiểm toán tài chính 1	AA6024	Kiểm toán tài chính
14	1103120	Lý thuyết kiểm toán	AA6028	Lý thuyết kiểm toán
15	1103121	Nguyên lý kế toán	AA6030	Nguyên lý kế toán
16	1103122	Phân tích báo cáo tài chính	AA6032	Phân tích báo cáo tài chính
17	1103132	Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh	AA6033	Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh
18	1103123	Tổ chức công tác kế toán	AA6034	Tổ chức công tác kế toán
Khoa Khoa học cơ bản				
1	1003107	Toán Cao cấp 1	BS6009	Đại số tuyến tính
2	1003107	Toán Cao cấp 1	BS6001	Đại số tuyến tính
3	1003108	Toán cao cấp 2A	BS6002	Giải tích
4	1003109	Toán cao cấp 2C	BS6010	Giải tích
Khoa Lý luận chính trị, pháp luật				
1	1203101	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	LP6001	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
2	1203104	Luật kinh tế	LP6008	Luật kinh tế
3	1203106	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	LP6002	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin
4	1203107	Pháp luật đại cương	LP6003	Pháp luật đại cương
5	1203108	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LP6004	Tư tưởng Hồ Chí Minh
Khoa Ngoại ngữ				
1	130309	Giao thoa văn hóa	FL6009	Giao thoa văn hóa
2	1303108	Giao thoa văn hóa	FL6009	Giao thoa văn hóa
3	110327	Kỹ năng làm việc (Tiếng Anh)	FL6021	Kỹ năng làm việc (Tiếng Anh)
4	1303109	Kỹ năng làm việc (Tiếng Anh)	FL6021	Kỹ năng làm việc (Tiếng Anh)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã học phần tương đương	Tên học phần tương đương
5	110328	Kỹ năng thuyết trình (Tiếng Anh)	FL6046	Kỹ năng thuyết trình (Tiếng Anh)
6	1303110	Kỹ năng thuyết trình (Tiếng Anh)	FL6046	Kỹ năng thuyết trình (Tiếng Anh)
7	130311	Kỹ thuật biên dịch 1	FL6059	Kỹ thuật biên dịch 1
8	1303111	Kỹ thuật biên dịch 1	FL6059	Kỹ thuật biên dịch 1
9	130312	Kỹ thuật biên dịch 2	FL6060	Kỹ thuật biên dịch 2
10	1303112	Kỹ thuật biên dịch 2	FL6060	Kỹ thuật biên dịch 2
11	1303113	Kỹ thuật biên dịch 3	FL6061	Kỹ thuật biên dịch 3
12	130314	Kỹ thuật phiên dịch 1	FL6062	Kỹ thuật phiên dịch 1
13	1303114	Kỹ thuật phiên dịch 1	FL6062	Kỹ thuật phiên dịch 1
14	130315	Kỹ thuật phiên dịch 2	FL6063	Kỹ thuật phiên dịch 2
15	1303115	Kỹ thuật phiên dịch 2	FL6063	Kỹ thuật phiên dịch 2
16	130318	Lý thuyết dịch	FL6068	Lý thuyết dịch
17	1303116	Lý thuyết dịch	FL6068	Lý thuyết dịch
18	130327	Lý thuyết ngữ pháp Tiếng Anh	FL6070	Lý thuyết ngữ pháp Tiếng Anh
19	1303117	Lý thuyết ngữ pháp Tiếng Anh	FL6070	Lý thuyết ngữ pháp Tiếng Anh
20	130325	Ngữ âm Tiếng Anh	FL6072	Ngữ âm Tiếng Anh
21	1303124	Ngữ âm Tiếng Anh	FL6072	Ngữ âm Tiếng Anh
22	1303125	Ngữ nghĩa học	FL6074	Ngữ nghĩa học
23	130389	Ngữ pháp Tiếng Anh thực hành	FL6076	Ngữ pháp Tiếng Anh thực hành
24	1303126	Ngữ pháp Tiếng Anh thực hành	FL6076	Ngữ pháp Tiếng Anh thực hành
25	1303195	Tiếng anh Công nghệ thông tin	FL6090	Tiếng anh Công nghệ thông tin
26	1303190	Tiếng anh Công nghệ thông tin 1	FL6085	Tiếng anh Công nghệ thông tin 1
27	1303191	Tiếng anh Công nghệ thông tin 2	FL6086	Tiếng anh Công nghệ thông tin 2
28	1303192	Tiếng anh Công nghệ thông tin 3	FL6087	Tiếng anh Công nghệ thông tin 3
29	1303193	Tiếng anh Công nghệ thông tin 4	FL6088	Tiếng anh Công nghệ thông tin 4
30	1303194	Tiếng anh Công nghệ thông tin 5	FL6089	Tiếng anh Công nghệ thông tin 5
31	1303201	Tiếng anh Cơ khí	FL6096	Tiếng anh Cơ khí
32	1303196	Tiếng anh Cơ khí 1	FL6091, FL6154	Tiếng anh Cơ khí 1, Tiếng anh Oto 1
33	1303197	Tiếng anh Cơ khí 2	FL6092, FL6155	Tiếng anh Cơ khí 2, Tiếng anh Oto 2
34	1303198	Tiếng anh Cơ khí 3	FL6093	Tiếng anh Cơ khí 3
35	1303199	Tiếng anh Cơ khí 4	FL6094	Tiếng anh Cơ khí 4
36	1303200	Tiếng anh Cơ khí 5	FL6095	Tiếng anh Cơ khí 5
37	1303132	Tiếng anh chuyên ngành (Khối ngành Quản lý & kinh doanh)	FL6165	Tiếng anh Thương mại
38	1303138	Tiếng anh chuyên ngành (Nhóm ngành Quản lý & kinh doanh) QTKDDL	FL6147	Tiếng anh Lễ tân khách sạn
39	1303136	Tiếng anh chuyên ngành CK- Ôto	FL6096 FL6159	Tiếng anh Cơ khí, Tiếng anh Oto
40	1303137	Tiếng anh chuyên ngành Điện-Điện tử	FL6135	Tiếng anh Điện-Điện tử

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã học phần tương đương	Tên học phần tương đương
41	1303133	Tiếng anh chuyên ngành Hướng dẫn du lịch	FL6129	Tiếng anh du lịch
42	1303131	Tiếng anh chuyên ngành Máy tính và CNTT	FL6090	Tiếng anh Công nghệ thông tin
43	1303135	Tiếng anh chuyên ngành May-Thời trang	FL6153	Tiếng anh May&Thiết kế thời trang
44	1303163	Tiếng anh du lịch	FL6129	Tiếng anh du lịch
45	1303158	Tiếng anh du lịch 1	FL6124	Tiếng anh du lịch 1
46	1303159	Tiếng anh du lịch 2	FL6125	Tiếng anh du lịch 2
47	1303160	Tiếng anh du lịch 3	FL6126	Tiếng anh du lịch 3
48	1303161	Tiếng anh du lịch 4	FL6127	Tiếng anh du lịch 4
49	1303162	Tiếng anh du lịch 5	FL6128	Tiếng anh du lịch 5
50	1303169	Tiếng anh Điện-Điện tử	FL6135	Tiếng anh Điện-Điện tử
51	1303164	Tiếng anh Điện-Điện tử 1	FL6130	Tiếng anh Điện-Điện tử 1
52	1303165	Tiếng anh Điện-Điện tử 2	FL6131	Tiếng anh Điện-Điện tử 2
53	1303166	Tiếng anh Điện-Điện tử 3	FL6132	Tiếng anh Điện-Điện tử 3
54	1303167	Tiếng anh Điện-Điện tử 4	FL6133	Tiếng anh Điện-Điện tử 4
55	1303168	Tiếng anh Điện-Điện tử 5	FL6134	Tiếng anh Điện-Điện tử 5
56	1303207	Tiếng anh Hóa-Môi trường	FL6140, FL6169, FL6121	Tiếng anh Hóa học Tiếng anh Kỹ thuật môi trường Tiếng Anh Công nghệ thực phẩm
57	1303202	Tiếng anh Hóa-Môi trường 1	FL6136, FL6171, FL6117	Tiếng anh Hóa học 1, Tiếng anh Kỹ thuật môi trường 1, Tiếng Anh Công nghệ thực phẩm 1
58	1303203	Tiếng anh Hóa-Môi trường 2	FL6137, FL6166, FL6118	Tiếng anh Hóa học 2, Tiếng anh Kỹ thuật môi trường 2, Tiếng Anh Công nghệ thực phẩm 2
59	1303204	Tiếng anh Hóa-Môi trường 3	FL6138, FL6167, FL6119	Tiếng anh Hóa học 3, Tiếng anh Kỹ thuật môi trường 3, Tiếng Anh Công nghệ thực phẩm 3
60	1303205	Tiếng anh Hóa-Môi trường 4	FL6139, FL6168, FL6120	Tiếng anh Hóa học 4, Tiếng anh Kỹ thuật môi trường 4, Tiếng Anh Công nghệ thực phẩm 4
61	1303206	Tiếng anh Hóa-Môi trường 5	FL6141, FL6170, FL6122	Tiếng anh Hóa học 5 Tiếng anh Kỹ thuật môi trường 5 Tiếng Anh Công nghệ thực phẩm 5
62	1303175	Tiếng anh Lễ tân khách sạn	FL6147	Tiếng anh Lễ tân khách sạn
63	1303170	Tiếng anh Lễ tân khách sạn 1	FL6142	Tiếng anh Lễ tân khách sạn 1
64	1303171	Tiếng anh Lễ tân khách sạn 2	FL6143	Tiếng anh Lễ tân khách sạn 2
65	1303172	Tiếng anh Lễ tân khách sạn 3	FL6144	Tiếng anh Lễ tân khách sạn 3
66	1303173	Tiếng anh Lễ tân khách sạn 4	FL6145	Tiếng anh Lễ tân khách sạn 4
67	1303174	Tiếng anh Lễ tân khách sạn 5	FL6146	Tiếng anh Lễ tân khách sạn 5
68	1303187	Tiếng anh May&Thiết kế thời trang	FL6153	Tiếng anh May&Thiết kế thời trang

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã học phần tương đương	Tên học phần tương đương
69	1303182	Tiếng anh May&Thiết kế thời trang 1	FL6148	Tiếng anh May&Thiết kế thời trang 1
70	1303183	Tiếng anh May&Thiết kế thời trang 2	FL6149	Tiếng anh May&Thiết kế thời trang 2
71	1303184	Tiếng anh May&Thiết kế thời trang 3	FL6150	Tiếng anh May&Thiết kế thời trang 3
72	1303185	Tiếng anh May&Thiết kế thời trang 4	FL6151	Tiếng anh May&Thiết kế thời trang 4
73	1303186	Tiếng anh May&Thiết kế thời trang 5	FL6152	Tiếng anh May&Thiết kế thời trang 5
74	1303213	Tiếng anh Oto	FL6159	Tiếng anh Oto
75	1303208	Tiếng anh Oto 1	FL6154, FL6091	Tiếng anh Oto 1, Tiếng anh Cơ khí 1
76	1303209	Tiếng anh Oto 2	FL6155, FL6092	Tiếng anh Oto 2, Tiếng anh Cơ khí 2
77	1303210	Tiếng anh Oto 3	FL6156	Tiếng anh Oto 3
78	1303211	Tiếng anh Oto 4	FL6157	Tiếng anh Oto 4
79	1303212	Tiếng anh Oto 5	FL6158	Tiếng anh Oto 5
80	1303181	Tiếng anh Thương mại	FL6165	Tiếng anh Thương mại
81	1303176	Tiếng anh Thương mại 1	FL6160	Tiếng anh Thương mại 1
82	1303177	Tiếng anh Thương mại 2	FL6161	Tiếng anh Thương mại 2
83	1303178	Tiếng anh Thương mại 3	FL6162	Tiếng anh Thương mại 3
84	1303179	Tiếng anh Thương mại 4	FL6163	Tiếng anh Thương mại 4
85	1303180	Tiếng anh Thương mại 5	FL6164	Tiếng anh Thương mại 5
86	130350	Từ vựng học	FL6113	Từ vựng học
87	1303155	Từ vựng học	FL6113	Từ vựng học
88	130352	Văn hóa Anh Mỹ	FL6007	Đất nước học các nước nói Tiếng Anh
89	130353	Văn học Anh Mỹ	FL6116	Văn học Anh Mỹ
90	1303157	Văn học Anh Mỹ	FL6116	Văn học Anh Mỹ
Khoa Quản lý kinh doanh				
1	110301	Chiến lược kinh doanh	BM6052	Quản trị chiến lược
2	110302	Dự toán ngân sách doanh nghiệp	BM6010	Dự toán ngân sách doanh nghiệp
3	160301	Dự toán ngân sách doanh nghiệp (TCNH)	BM6010	Dự toán ngân sách doanh nghiệp
4	1603103	Đàm phán và ký kết hợp đồng kinh tế	BM6026	Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng kinh tế
5	1603105	Đầu tư bất động sản	BM6011	Đầu tư bất động sản
6	110303	Đầu tư bất động sản	BM6011	Đầu tư bất động sản
7	1603107	Định giá tài sản	BM6012	Định giá tài sản
8	1603110	Kế hoạch kinh doanh	BM6003	Chuyên đề khởi sự kinh doanh
9	110309	Kế toán ngân hàng	BM6088	Kế toán ngân hàng 1
10	1603112	Kinh tế bảo hiểm	BM6018	Kinh tế bảo hiểm

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã học phần tương đương	Tên học phần tương đương
11	110373	Kinh tế bảo hiểm	BM6018	Kinh tế bảo hiểm
12	1603113	Kinh tế học đại cương	BM6001	Kinh tế học đại cương
13	110322	Kinh tế học đại cương	BM6001	Kinh tế học đại cương
14	110323	Kinh tế phát triển	BM6023	Kinh tế phát triển
15	1603116	Kinh tế vĩ mô	BM6022	Kinh tế học vĩ mô
16	110325	Kinh tế vĩ mô	BM6022	Kinh tế học vĩ mô
17	1603118	Kỹ năng lãnh đạo và tạo động lực lao động	BM6027	Kỹ năng lãnh đạo
18	1603120	Lập và phân tích dự án đầu tư	BM6032	Lập và phân tích dự án đầu tư
19	110332	Lập và phân tích dự án đầu tư	BM6032	Lập và phân tích dự án đầu tư
20	1603122	Lý thuyết thống kê	BM6036	Lý thuyết thống kê
21	110336	Lý thuyết thống kê	BM6036	Lý thuyết thống kê
22	1603123	Marketing căn bản	BM6037	Marketing căn bản
23	110337	Marketing căn bản	BM6037	Marketing căn bản
24	1603126	Marketing ngân hàng	BM6038	Marketing ngân hàng
25	160306	Marketing ngân hàng	BM6038	Marketing ngân hàng
26	1603127	Ngân hàng thương mại	BM6039	Ngân hàng thương mại 1
27	160308	Ngân hàng thương mại	BM6039	Ngân hàng thương mại 1
28	1603129	Nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng	BM6040	Ngân hàng thương mại 2
29	1603131	Phân tích đầu tư chứng khoán	BM6044	Phân tích đầu tư chứng khoán
30	110340	Phân tích đầu tư chứng khoán	BM6044	Phân tích đầu tư chứng khoán
31	1603133	Phân tích tài chính doanh nghiệp	BM6045	Phân tích tài chính doanh nghiệp
32	110379	Phân tích tài chính doanh nghiệp	BM6045	Phân tích tài chính doanh nghiệp
33	1403128	Phương pháp nghiên cứu khoa học	BM6046	Phương pháp nghiên cứu khoa học
34	140302	Phương pháp nghiên cứu khoa học	BM6046	Phương pháp nghiên cứu khoa học
35	1603134	Quản lý chất lượng sản phẩm	BM6051	Quản trị chất lượng
36	1603135	Quản lý danh mục đầu tư	BM6048	Quản lý danh mục đầu tư
37	160307	Quản lý danh mục đầu tư	BM6048	Quản lý danh mục đầu tư
38	110342	Quản trị chất lượng	BM6051	Quản trị chất lượng
39	1603136	Quản trị chất lượng	BM6051	Quản trị chất lượng
40	1603138	Quản trị học	BM6057	Quản trị học
41	110345	Quản trị học	BM6057	Quản trị học
42	110346	Quản trị marketing	BM6058	Quản trị marketing
43	110347	Quản trị nhân lực	BM6059	Quản trị nhân lực
44	110348	Quản trị sản xuất	BM6063	Quản trị sản xuất
45	1603197	Quản trị thương hiệu	BM6065	Quản trị thương hiệu
46	1603143	Tài chính công	BM6066	Tài chính công
47	110385	Tài chính công	BM6066	Tài chính công
48	1603144	Tài chính doanh nghiệp	BM6064	Quản trị tài chính doanh nghiệp
49	110353	Tài chính doanh nghiệp	BM6064	Quản trị tài chính doanh nghiệp
50	1603145	Tài chính doanh nghiệp 1	BM6067	Tài chính doanh nghiệp 1
51	110386	Tài chính doanh nghiệp 1	BM6067	Tài chính doanh nghiệp 1
52	1603146	Tài chính doanh nghiệp 2	BM6068	Tài chính doanh nghiệp 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã học phần tương đương	Tên học phần tương đương
53	1603147	Tài chính quốc tế	BM6070	Tài chính quốc tế
54	110388	Tài chính quốc tế	BM6070	Tài chính quốc tế
55	1603148	Tài chính tiền tệ	BM6035	Lý thuyết tài chính tiền tệ
56	110354	Tài chính tiền tệ	BM6035	Lý thuyết tài chính tiền tệ
57	1603149	Tin học quản lý tài chính	BM6072	Tin học ứng dụng trong TCNH
58	110391	Tin học quản lý tài chính	BM6072	Tin học ứng dụng trong TCNH
59	110357	Tin quản trị	BM6071	Tin học ứng dụng quản trị kinh doanh
60	1603151	Toán tài chính	BM6073	Toán tài chính
61	110359	Toán tài chính	BM6073	Toán tài chính
62	1603153	Thanh toán quốc tế	BM6074	Thanh toán quốc tế
63	110361	Thanh toán tín dụng quốc tế	BM6074	Thanh toán quốc tế
64	1603155	Thị trường chứng khoán	BM6075	Thị trường chứng khoán
65	110362	Thị trường chứng khoán	BM6075	Thị trường chứng khoán
66	110363	Thống kê doanh nghiệp	BM6077	Thống kê doanh nghiệp
67	160303	Thống kê doanh nghiệp (QTKD DLKS)	BM6077	Thống kê doanh nghiệp
68	1603157	Thuế	BM6078	Thuế
69	110364	Thuế	BM6078	Thuế
70	1603158	Thực tập cơ sở ngành (QTKD)	BM6081	Thực tập cơ sở ngành
71	110366	Thực tập cơ sở ngành (QTKD)	BM6081	Thực tập cơ sở ngành
72	1603159	Thực tập cơ sở ngành (TC-NH)	BM6082	Thực tập cơ sở ngành Tài chính - Ngân hàng
73	110389	Thực tập cơ sở ngành (TC-NH)	BM6082	Thực tập cơ sở ngành Tài chính - Ngân hàng
74	1603162	Văn hóa doanh nghiệp	BM6087	Văn hóa kinh doanh
75	1603163	Xác định rủi ro và áp dụng các quy trình quản lý rủi ro	BM6061	Quản trị rủi ro
Trung tâm GDQP, AN				
1	0903101	Công tác quốc phòng, an ninh	DC6001	Công tác quốc phòng, an ninh
2	0903102	Đường lối quân sự của Đảng	DC6002	Đường lối quân sự của Đảng
3	0903108	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	DC6003	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)
Trung tâm Cơ khí				
1	2303101	Thực hành cắt gọt 1	MC6001	Thực hành cắt gọt 1
2	2303102	Thực hành cắt gọt 2	MC6002	Thực hành cắt gọt 2
3	2303105	Thực hành CNC	ME6037	Thực hành CNC
4	250302	Thực hành cơ bản hàn	MC6003	Thực hành hàn
5	230303	Thực hành cơ bản nguội	MC6004	Thực hành nguội
6	2503101	Thực hành hàn	MC6003	Thực hành hàn
7	2303104	Thực hành nguội	MC6004	Thực hành nguội
8	010343	Thực tập CNC	ME6037	Thực hành CNC
9	010344	Thực tập cơ khí cơ bản	MC6001	Thực hành cắt gọt 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mã học phần tương đương	Tên học phần tương đương
Trung tâm GDTC, TT				
1	0903113	Aerobic 1	PE6001	Aerobic 1
2	0903114	Aerobic 2	PE6002	Aerobic 2
3	0903127	Bóng bàn 1	PE6017	Bóng bàn 1
4	0903128	Bóng bàn 2	PE6018	Bóng bàn 2
5	0903115	Bóng chuyền 1	PE6003	Bóng chuyền 1
6	0903116	Bóng chuyền 2	PE6004	Bóng chuyền 2
7	0903135	Bóng đá 1	PE6027	Bóng đá 1
8	0903136	Bóng đá 2	PE6028	Bóng đá 2
9	0903131	Bóng ném 1	PE6023	Bóng ném 1
10	0903132	Bóng ném 2	PE6024	Bóng ném 2
11	0903129	Bóng rổ 1	PE6021	Bóng rổ 1
12	0903130	Bóng rổ 2	PE6022	Bóng rổ 2
13	0903117	Bơi 1	PE6005	Bơi 1
14	0903118	Bơi 2	PE6006	Bơi 2
15	0903133	Cầu lông 1	PE6025	Cầu lông 1
16	0903134	Cầu lông 2	PE6026	Cầu lông 2
17	0903119	Cầu mây	PE6007	Cầu mây
18	0903139	Cầu mây 1	PE6031	Cầu mây 1
19	0903140	Cầu mây 2	PE6032	Cầu mây 2
20	0903120	Đá cầu	PE6008	Đá cầu
21	0903137	Đá cầu 1	PE6029	Đá cầu 1
22	0903138	Đá cầu 1	PE6030	Đá cầu 1
23	0903111	Giáo dục thể chất 1	PE6009	Giáo dục thể chất 1
24	0903112	Giáo dục thể chất 2	PE6010	Giáo dục thể chất 2
25	0903121	Karate 1	PE6011	Karate 1
26	0903122	Karate 2	PE6012	Karate 2
27	0903123	Khiêu vũ 1	PE6013	Khiêu vũ 1
28	0903124	Khiêu vũ 2	PE6014	Khiêu vũ 2
29	0903125	Pencak Silat 1	PE6015	Pencak Silat 1
30	0903126	Pencak Silat 2	PE6016	Pencak Silat 2
31	0903141	Tennis 1	PE6019	Tennis 1
32	0903142	Tennis 2	PE6020	Tennis 2